

Theo dấu dòng tiền

TOP CỔ PHIẾU

— —
Ngày 17 tháng 03, 2026

Xem thêm



Bộ phận Phân tích & Đầu tư
Research & Proprietary trading



- Cổ phiếu có khối lượng giao dịch đột biến phản ánh có dòng tiền mới tham gia.
- Điều này có thể tạo ra sự biến động giá mạnh hơn, đồng nghĩa sẽ xuất hiện cơ hội kiếm lợi nhuận từ chênh lệch giá



STT	Mã	Ngày	Giá đóng cửa	KLGD	KL TB 30P	Gấp TB 30P
1	PGN	16/03/2026	5.8	1.344.800	72.913	18.44
2	MCH	16/03/2026	149.8	1.482.800	270.313	5.49
3	NVL	16/03/2026	13.5	48.999.700	9.576.330	5.12
4	NRC	16/03/2026	6	2.460.900	697.920	3.53
5	MZG	16/03/2026	12.9	1.530.900	478.277	3.2
6	HII	16/03/2026	5.46	840.100	282.403	2.97
7	GEG	16/03/2026	15.8	3.412.000	1.155.550	2.95
8	LIG	16/03/2026	3.7	796.600	297.207	2.68
9	LAS	16/03/2026	18.4	3.404.800	1.395.410	2.44
10	HNH	16/03/2026	8	1.014.300	451.973	2.24
11	PPC	16/03/2026	10.6	854.500	402.373	2.12
12	PAC	16/03/2026	25.3	1.201.500	575.807	02.09
13	PVT	16/03/2026	24.1	23.183.100	11.385.727	02.04
14	MST	16/03/2026	8.3	5.528.900	2.755.657	02.01
15	EVF	16/03/2026	14.05	21.501.000	10.923.123	1.97
16	DGC	16/03/2026	73.9	9.659.900	5.054.804	1.91
17	AAV	16/03/2026	6.6	573.400	318.143	1.8
18	VCG	16/03/2026	23.6	18.812.700	10.813.757	1.74
19	DVM	16/03/2026	6.8	1.494.000	864.207	1.73
20	VPI	16/03/2026	58.3	3.048.100	1.759.150	1.73
21	TTA	16/03/2026	11.5	563.800	332.140	1.7
22	KLB	16/03/2026	14.15	604.600	368.300	1.64
23	NLG	16/03/2026	28	6.066.500	3.753.353	1.62
24	HHV	16/03/2026	12.35	7.330.600	4.778.174	1.53
25	IDI	16/03/2026	7.33	1.172.900	780.480	1.5
26	FCN	16/03/2026	12.55	1.319.200	907.830	1.45
27	IDJ	16/03/2026	4	800.800	559.903	1.43
28	SHB	16/03/2026	15.2	84.195.280	60.931.660	1.38



- Cổ phiếu nằm trên MA200 cho thấy xu hướng dài hạn tích cực và tâm lý thị trường lạc quan.
- Khoảng cách giữa giá đóng cửa và MA200 nhỏ hơn 7% cho thấy cổ phiếu chưa bị mua quá đà, vẫn còn dư địa tăng.

STT	Mã CK	Ngày	Giá đóng cửa	TBKL 10 phiên	RSI(14)	MA 200	% Close - MA200
1	DPR	16/03/2026	41.2	1.255.740	48.01	38.7	6.45
2	DRI	16/03/2026	13.1	2.013.090	47.91	12.46	5.12
3	DVM	16/03/2026	6.8	804.020	61.58	6.51	4.42
4	FRT	16/03/2026	150.5	593.060	42.27	145.64	3.34
5	GEG	16/03/2026	15.8	2.272.040	55.38	15.59	1.36
6	HDG	16/03/2026	28.6	3.164.910	60.11	28.27	1.16
7	HPG	16/03/2026	26.75	58.464.472	46.38	26.48	1
8	HUT	16/03/2026	16.7	2.664.140	57.67	16.23	2.93
9	IDI	16/03/2026	7.33	952.240	58.78	7.31	0.22
10	LAS	16/03/2026	18.4	2.813.570	51.15	18.29	0.58
11	MSH	16/03/2026	36	964.010	46.73	34.01	5.85
12	MWG	16/03/2026	80.6	11.642.630	39.28	77.81	3.59
13	NRC	16/03/2026	6	951.260	60.37	5.9	1.73
14	ORS	16/03/2026	13.1	5.316.310	44	12.93	1.32
15	PAC	16/03/2026	25.3	1.158.830	57.84	24.88	1.67
16	POW	16/03/2026	13.2	34.993.440	42.73	12.48	5.79
17	PPC	16/03/2026	10.6	687.580	61.14	10.31	2.78
18	PVG	16/03/2026	6.8	576.690	43.92	6.66	02.06
19	SHI	16/03/2026	14.85	535.020	67.3	14.44	2.85
20	TVN	16/03/2026	8.5	1.360.100	45.72	8.12	4.72
21	VGI	16/03/2026	83.7	1.249.090	35.27	80.96	3.38
22	VGT	16/03/2026	12.5	4.303.070	41.54	12.22	2.29
23	VHC	16/03/2026	60.6	1.590.440	50.5	57.11	6.11
24	VHM	16/03/2026	100	8.309.730	48.41	99.44	0.57
25	VJC	16/03/2026	154	1.325.240	38.11	151.26	1.81
26	VNM	16/03/2026	61.8	9.680.390	41.78	60.42	2.28
27	VOS	16/03/2026	14	5.255.210	44.83	13.69	2.29
28	VPI	16/03/2026	58.3	2.543.680	53.5	55.51	05.02



Đỉnh và đáy là mức
kháng cự và hỗ trợ
quan trọng của cổ phiếu



Vượt đỉnh 1 năm

STT	Mã CK	Giá	Cao nhất 1 năm	TBKL 10 phiên
1	MST	8.3	7.7	3.721.270

Vượt đỉnh 3 tháng nhưng chưa vượt đỉnh 1 năm

STT	Mã	Giá	H13W	KLTB 10 phiên
1	MZG	12.9	12.9	810.230

Vượt đỉnh phá đáy

Phá đáy 3 tháng

STT	Mã CK	Giá	Thấp nhất 3 m	TBKL 10 phiên
1	AGR	14.6	14.65	1.505.100
2	APG	7.12	7.65	198.070
3	BCM	53.7	54	1.195.420
4	BMP	138.5	140.5	191.780
5	BTH	22.5	23	16.230
6	BVS	26.7	27.1	466.970
7	CTS	26.95	27.7	1.240.780
8	FTS	27.3	27.4	1.670.430
9	HSL	5.39	5.6	644.790
10	HVN	22.55	22.65	2.915.860
11	PSI	7.3	7.4	539.050
12	SHS	16.4	16.6	23.416.130
13	TLD	7.96	8	130.880
14	VDS	15.1	15.15	1.700.540
15	VFS	14	14.1	2.906.070
16	VND	16.25	16.55	16.874.850
17	VTP	89.1	90.8	601.360

Phá đáy 1 năm

STT	Mã CK	Giá	Thấp nhất 1 năm	TBKL 10 phiên
1	APG	6.63	6.63	203.880
2	SRF	6.99	6.8	37.070
3	VTP	89	88	572.120



Cổ phiếu cắt lên trên các đường trung bình có thể phát tín hiệu mua cho một nhịp tăng giá mới

Cắt lên đường trung bình MA200

STT	Mã	Giá	MA200	KLTB 10 phiên
1	NRC	6	5.9	951.260
2	SHI	14.85	14.44	535.020
3	VHM	100	99.44	8309730

Cắt lên đường trung bình MA20

STT	Mã	Giá	MA20	KLTB 10 phiên
1	CII	17	16.91	13.015.090
2	CTD	82.8	82.73	960.400
3	NLG	28	27.23	5088240
4	PAN	32.45	32.44	1.327.480
5	PHR	62.2	61.83	645.840
7	SHI	14.85	14.09	535020

Cắt lên đường trung bình MA50

STT	Mã	Giá	MA50	KLTB 10 phiên
1	LPB	42	41.94	1.855.330
2	NRC	6	5.8	951.260
3	PHR	62.2	62.06	645840
4	SHI	14.85	14.12	535.020



Cổ phiếu cắt xuống
dưới các đường trung
bình phát tín hiệu bán
khi giá có thể giảm sâu
hơn



Cắt xuống đường trung bình MA200

STT	Mã	Giá	MA200	KLTB 10 phiên
1	BID	40.3	40.5	8.331.470
2	CTI	23.8	24.09	1.116.270
3	DDV	28.4	29.28	3552720
4	DGW	43.1	43.1	3.941.720
5	SIP	57.6	57.65	678.780

Cắt xuống đường trung bình MA20

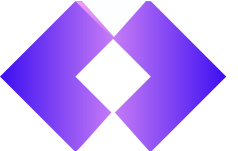
STT	Mã	Giá	MA20	KLTB 10 phiên
1	CTI	23.8	24.03	1.116.270
2	DRI	13.1	13.48	2.013.090
3	EIB	22.35	22.46	11042120
4	KSB	17.1	17.15	1.686.960
5	POM	4.1	4.51	5.579.030
7	PVT	24.1	24.58	22189420
8	TCH	14.85	15.05	8341460
9	VPI	58.3	58.53	2543680

Cắt xuống đường trung bình MA50

STT	Mã	Giá	MA50	KLTB 10 phiên
1	BVH	72	72.67	748.660
2	CRC	9	9.8	1.656.860
3	DDV	28.4	28.68	3552720
4	DHC	34.8	35.78	790.930
5	DRI	13.1	13.13	2.013.090
6	HHV	12.35	12.39	6.610.490
7	IDC	43.7	43.98	4.139.090
8	MSH	36	36.1	964.010
9	SIP	57.6	57.9	678780
10	VOS	14	14.02	5255210

Cổ phiếu có giai đoạn tích lũy trong biên độ hẹp. Thông thường quá trình tích lũy càng lâu với Bollinger band co hẹp cực đại thì theo sau sẽ là giai đoạn biến động mạnh.

STT	Mã CK	Ngày	Giá đóng cửa	Giá thấp nhất 3T	Giá cao nhất 3T	Biên độ %	KLTB 5 phiên
1	SJD	16/03/2026	14.5	13.7	14.25	04.01	117,880
2	VSH	16/03/2026	43.3	42	44.6	6.19	9,720
3	CLH	16/03/2026	21.7	20.9	22.5	7.66	6,500
4	GDT	16/03/2026	19.25	18.75	20.28	8.16	12,600
5	SVT	16/03/2026	11.3	10.6	11.55	8.96	7,740
6	SBA	16/03/2026	28.2	27.5	30.2	9.82	5,180



Trung tâm Phân tích và Tư vấn Đầu tư

Nguyễn Văn Thanh

Phụ trách khối Phân tích & Tự doanh

Email: thanhnv@apsc.vn

Phân tích cơ bản

Nguyễn Kim Dung

Chuyên viên phân tích

Email: dungnk@apsc.vn

Chiến lược giao dịch

Nguyễn Văn Thiệu

Chuyên viên phân tích

Email: thieunv@apsc.vn

Cam kết phân tích

Chuyên viên phân tích trong báo cáo này cam kết rằng (1) quan điểm thể hiện trong báo cáo phân tích này phản ánh chính xác quan điểm cá nhân đối với chứng khoán và/hoặc tổ chức phát hành và (2) chuyên viên phân tích đã/ đang/sẽ được miễn trách nhiệm bồi thường trực tiếp hoặc gián tiếp liên quan đến khuyến nghị cụ thể hoặc quan điểm trong báo cáo phân tích này.

Khuyến nghị

CANH MUA Giá cổ phiếu hiện tại trong vùng mua tiềm năng. Ước tính tiềm năng tăng giá lớn hơn hoặc bằng 15 điểm phần trăm trong 12 tháng tới.

CHỜ MUA Giá cổ phiếu hiện tại cao hơn vùng mua tiềm năng. Ước tính tiềm năng tăng giá lớn hơn hoặc bằng 15 điểm phần trăm trong 12 tháng tới.

TRUNG LẬP Ước tính giá cổ phiếu có thể tăng/giảm 10 điểm phần trăm trong 12 tháng tới.

CANH BÁN Ước tính tiềm năng giảm giá trên 10 điểm phần trăm trong 12 tháng tới.



Tuyên bố trách nhiệm

Bản báo cáo và các tài liệu đi kèm chỉ phục vụ cho mục đích cung cấp thông tin tham khảo và được phát hành bởi Công ty Cổ phần Chứng khoán Alpha (APSC), một doanh nghiệp được cấp phép bởi Ủy ban Chứng khoán Nhà nước Việt Nam. Những thông tin sử dụng trong báo cáo được thu thập từ những nguồn đáng tin cậy và APSC không chịu trách nhiệm về tính chính xác của chúng. Không một thông tin cũng như ý kiến nào được viết ra nhằm mục đích quảng cáo hay tác động đến bất kỳ chứng khoán nào. Bất kỳ quyết định đầu tư nào đều dựa trên đánh giá cá nhân của khách hàng, và báo cáo này cùng với các tài liệu đi kèm không thể được sử dụng làm bằng chứng trong bất kỳ tranh chấp pháp lý nào liên quan đến quyết định đầu tư.

© Copyright - Bản quyền thuộc về APSC. Báo cáo này không được phép sao chép tái bản bởi bất kỳ cá nhân hoặc tổ chức nào khi chưa được phép của APSC. Người dùng có thể trích dẫn hoặc trình chiếu báo cáo cho các mục đích phi thương mại. APSC có thể có thỏa thuận cho phép sử dụng cho mục đích thương mại hoặc phân phối lại báo cáo với điều kiện người dùng trả phí cho APSC.

Công ty Cổ phần Chứng Khoán Alpha

Hội sở chính

Tầng 5, 14 Láng Hạ, P.Giảng Võ, TP. Hà Nội

Điện thoại: (024) 3933 4666

Chi nhánh Hải Phòng

Tầng 8, số 04/B1 lô 26 BC đường Lê Hồng Phong, Phường

Đông Khê, Quận Ngô Quyền, Hải Phòng

Điện thoại: 0913.399.635

Chi nhánh Hồ Chí Minh

Tầng 5, Tòa nhà HDTC, 36 Bùi Thị Xuân, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

Điện thoại: (028) 3535 2115

Chi nhánh Thanh Hoá

Sảnh tầng 1, khách sạn Lam Kinh, Khu đô thị Đông Hương, Phường Đông

Hương, Thành phố Thanh Hoá, Tỉnh Thanh Hoá

Điện thoại: 0237 3515 009